

Hãy nhìn sâu vào thiên nhiên, bạn sẽ thấu hiểu mọi thứ rõ ràng hơn.

An -be Anh-xanh

ĐỌC VĂN BẢN

Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

Những hiểu biết về văn bản thông tin.

2. Về năng lực

a. Năng lực đặc thù

- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của kiểu VB giải thích một hiện tượng tự nhiên có lồng ghép các đề xuất, kiến nghị cần thiết.
- HS nhận biết và phân tích được sự phối hợp các cách triển khai VB thông tin được thể hiện trong VB.
- HS thấy được những thách thức đối với môi trường sống của chúng ta thông qua các thông tin về cuộc sống của cư dân miền châu thổ sông Cửu Long thời điểm VB ra đời

b. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ: thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.
- Năng lực giao tiếp: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

3. Về phẩm chất

- Thể hiện được thái độ quan tâm những vấn đề nóng hổi của cuộc sống với tinh thần chủ động, có trách nhiệm trước hiện tại và tương lai.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:
 - + Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng,...
 - + Học liệu: Tranh ảnh và phim
 - + Phiếu học tập.

2. Học sinh

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung SGK.

III. Tiến trình dạy học

A. Chủ đề bài học và tri thức ngữ văn

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*GV tổ chức cho HS xem video và trả lời câu hỏi

*GV nêu câu hỏi cho HS chia sẻ:

1) Nêu ngắn gọn nội dung mà video đề cập đến.

2) Từ nội dung ấy, đặt ra cho chúng ta những suy nghĩ (hiện trạng, nguyên nhân) và bài học gì về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên?

- HS tự bộc lộ, chia sẻ những hiểu biết và suy nghĩ của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích.

- GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.

- GV gọi HS khác cùng chia sẻ; GV đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, dẫn dắt vào bài học mới: *Hiểu biết và chung sống hài hoà với tự nhiên là một trong những giá trị sống cơ bản mà con người cần hướng đến trong xã hội hiện đại. Nếu ứng xử với tự nhiên không tốt, con người sẽ phải trả giá đắt. Sống tôn trọng và nương theo nhịp điệu của tự nhiên giúp mỗi chúng ta có được sự thanh thản và hạnh phúc. Trước tiên, chúng ta cùng tìm hiểu phần giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn trọng tâm của bài.*

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

PHIẾU HỌC TẬP

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nội dung bài học	Trả lời
- Chủ đề bài học:	
- Kiểu văn bản:	
- Thể loại văn bản:	
- VB đọc chính:	
- VB đọc kết nối chủ đề:	
- VB thực hành đọc:	

PHIẾU HỌC TẬP 02

Tìm hiểu		
1. Văn bản thông tin	Mục đích	
	Mối quan hệ giữa thông tin khách quan và ý kiến chủ quan	
2. Tiểu loại		
a. Văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên	Mục đích	
	Cách triển khai VB	
b. Văn bản giới thiệu một bộ phim	Mục đích	
	Cách triển khai VB	

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

b. Nội dung: HS thảo luận cặp đôi và chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm học tập
<p>- GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> (SGK/tr.86) và tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi để thực hiện câu trả lời vào Phiếu HT số 1, với các câu hỏi gợi ý:</p> <p>1) Đoạn văn thứ nhất giúp em nhận biết được gì về chủ đề của bài học?</p> <p>2) Đoạn văn thứ hai cho biết điều gì về loại, thể loại VB sẽ học và những nội dung cần thực hành?</p> <p>3) Hãy phát biểu suy luận của em về mối liên hệ giữa chủ đề bài học và loại VB chính cần phải đọc (Gợi ý: Loại, thể loại VB nào thích hợp nhất với việc thể hiện chủ đề này?).</p> <p>- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.</p> <p>- GV dẫn dắt giới thiệu vào phần khám phá tri thức ngữ văn của bài học.</p>	<p>I. Giới thiệu bài học</p> <p>- Chủ đề bài học: Hướng tới tương lai tốt đẹp từ những hành động, hoạt động thiết thực, có ý nghĩa của hôm nay</p> <p>- Kiểu văn bản: Văn bản thông tin.</p> <p>- Thể loại văn bản: Thuyết minh.</p> <p>- VB đọc chính: ->Thuyết minh</p> <p>Văn bản 1: <i>Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ</i> (Lê Anh Tuấn)</p> <p>Văn bản 2. <i>Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”</i> (Lâm Lê)</p> <p>- VB đọc kết nối chủ đề: VB3: <i>Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton</i> (Seattle), Xi-át-ton</p> <p>- VB thực hành đọc: VB4: <i>“Dấu chân sinh thái” của mỗi người và thông điệp từ Trái Đất</i> (Dương Xuân Thảo)</p>

Hoạt động 2.2. Khám phá tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về VB thông tin và những tiểu loại.

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về những đặc điểm của kiểu VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số yếu tố cơ bản về kiểu VB.

d. Tổ chức thực hiện:

<p>*GV yêu cầu HS:</p> <p>- Nhớ lại một số khái niệm cơ bản đã học ở lớp 7</p> <p>- HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ.</p> <p>(Khái niệm: là văn bản được viết để truyền đạt thông tin, kiến thức. Loại văn bản này rất phổ biến, hữu</p>	<p>II. Khám phá tri thức ngữ văn</p> <p>1. Văn bản thông tin:</p> <p>*Mục đích: mục đích chính là cung cấp thông tin xác thực về một sự vật, sự việc, hiện tượng trong đời sống tự nhiên và xã hội.</p> <p>* Mối quan hệ giữa thông tin khách quan và ý kiến chủ quan:</p> <p>-Ý kiến chủ quan của tác giả phải được</p>
--	--

dụng trong đời sống. Nó bao gồm nhiều thể loại: thông báo, chỉ dẫn, hướng dẫn sử dụng sản phẩm, các văn bản hành chính, từ điển, bản tin...)

- Đọc kĩ 3 văn bản để nhận diện đặc điểm và chức năng (GV chiếu lên tivi cho HS theo dõi);

- Kết hợp SGK tr.87 để đọc thầm phần *Tri thức ngữ văn*;

- Sau đó trình bày các thông tin đã chuẩn bị trong **Phiếu học tập 02**.

- GV gợi ý bằng các câu hỏi để khơi sâu vấn đề cho HS hoàn thành tốt phiếu HT:

- Điều quan trọng nhất mà người đọc trông đợi ở VB thông tin là gì?

- Để đảm bảo tính khách quan cho một VB thông tin, người viết phải đặc biệt chú ý những vấn đề nào?

- Ý kiến chủ quan của người viết cần được thể hiện ra sao để tính khách quan của VB thông tin không bị phương hại?

Điều kiện nảy sinh của loại VB giải thích một hiện tượng tự nhiên là gì?

VB giải thích một hiện tượng tự nhiên thường có cấu trúc như thế nào?

- HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

+ VB thông tin thường hướng tới một mục đích nhất định. Em hãy nêu những mục đích mà kiểu văn bản này hướng tới.

+ Ở năm học trước, các em được tiếp xúc với kiểu VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. Năm nay chúng ta tiếp tục được tìm hiểu những tiểu loại văn bản nào? Mục đích và cách thể hiện của các tiểu loại văn bản đó?

GV lưu ý: Có nhiều hiện tượng tự

đặt độc lập với phần cung cấp thông tin khách quan.

- Thông tin đưa đến cho người tiếp nhận không bị bóp méo, sai lệch.

=> Tính khách quan của cách đưa thông tin và bản thân thông tin có tầm quan trọng đặc biệt.

2. Một số kiểu văn bản thông tin

a. Văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên

* Mục đích:

- Làm sáng tỏ bản chất, nguyên nhân xuất hiện và những tác động tích cực hoặc tiêu cực có thể có đối với đời sống con người của một hiện tượng tự nhiên nào đó.

* Cách triển khai văn bản:

- **Miêu tả** hiện tượng với

+ Những biểu hiện điển hình

+ Có hình ảnh trực quan, kết quả của việc ghi nhận tại chỗ hoặc khai thác từ những nguồn tài liệu đáng tin cậy.

- **Giải thích** hiện tượng bằng những căn cứ và lập luận khoa học, người thực hiện

b. Văn bản giới thiệu một bộ phim

* **Mục đích:** quảng bá các sản phẩm điện ảnh hay giúp khán giả có được những hiểu biết thường thức về điện ảnh.

- Phân chia các loại phim: phim nhựa, phim truyền hình; phim tài liệu, phim truyện; phim hành động, phim dã sử, phim tâm lý xã hội, phim giả tưởng;...

* Cách triển khai văn bản:

- **Giới thiệu thông tin gồm:** Nhà sản xuất, năm phát hành, các thành viên chủ chốt của đoàn làm phim, nội dung phim, những giá trị nổi bật của phim,...

- Có sự kết hợp linh hoạt giữa:

+ Thông tin khách quan và đánh giá chủ

nhiên, có những hiện tượng khó có thể cắt nghĩa bằng tri thức cảm tính và bằng phép suy luận thông thường nên cần được các chuyên gia, các nhà khoa học giải thích. Kiểu VB giải thích hiện tượng tự nhiên nảy sinh từ đó. - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	quan + Giữa phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (thường là ảnh chụp pa-nô quảng cáo hoặc một số cảnh phim đặc sắc) - Trình bày hấp dẫn, có sức thu hút đối với người tiếp nhận.
---	--

B. Văn bản 1: Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ (Lê Anh Tuấn)

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS huy động những hiểu biết, trải nghiệm của bản thân về mùa nước nổi ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long để chuẩn bị cho việc đọc, tiếp nhận VB một cách tích cực.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức trải nghiệm, làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Cách 1: GV cho HS xem video mùa nước nổi ở Đồng bằng sông Cửu Long đó trả lời câu hỏi: tìm ít nhất một thông điệp mà đoạn video muốn gửi đến người xem?

Cách 2: GV cho HS lần lượt trả lời các câu hỏi ở phần TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Hãy nêu tên một sáng tác dân gian có nói đến hiện tượng lũ lụt. Theo em, trong sáng tác đó, lũ lụt đã để lại ấn tượng nổi bật gì?

2. Em hiểu thế nào về nội dung của thành ngữ sống chung với lũ? Thử suy đoán về nguồn gốc của thành ngữ này.

Gợi ý:

Câu 1:

Một số sáng tác dân gian nói đến hiện tượng lũ lụt như

+ Ca dao

*Lũ khủng khiếp, sức thủy thần tàn phá
 Mất mát, đau thương chìm trong thảm họa
 Thương bé thơ tay vẫy giữa biển trời...!
 Ý chí An Giang nay mang vào cứu lụt
 Thắng thủy thần bằng sức mạnh lòng dân*

*Thương trắng vờ trên đồng nước nổi
 Gió thu ào khóc giữa mưa giăng
 Ai biến đồng xanh thành biển cả
 Cánh dế ngày xưa bỗng lạc đàn
 Bến sông giờ đã chìm trong lũ
 Em giạt về đâu trong mưa giông*

Truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh đi vào ca dao

*Núi cao sông hãy còn dài
 Năm năm bão oán đời đời đánh ghen.
 Ông tha mà bà chẳng tha
 Vẫn làm cơn lụt mừng ba tháng mười.*

+ Tục ngữ:

Tháng bảy kiến đàn, đại ngàn hồng thủy (lũ miền bắc)

Khi nào nhãn nở đầy hoa

Kiến leo cột nhà, chạy lụt cho mau

=> Thông qua hiện lũ lụt, cha ông ta đã quan sát móc nối các hiện tượng tự nhiên để có thể dự đoán được mưa bão sắp tới bảo vệ nông nghiệp và mùa màng.

GV dẫn vào bài: Trong kho tàng tục ngữ, ca dao ta bắt gặp những kinh nghiệm được đúc rút về các hiện tượng tự nhiên nhưng chúng đã thực chất là một VB giải thích một hiện tượng tự nhiên chưa. Văn bản giải thích hiện tượng tự nhiên được thể hiện như thế nào, nó có cấu trúc ra sao thì bài học ngày hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu sâu và hiểu rõ thông qua tiết đọc hiểu văn bản.

Câu 2: Thành ngữ sống chung với lũ

Nghĩa đen

Thành ngữ “sống chung với lũ” dùng để chỉ cách sống, sinh hoạt của người dân khi xảy ra lũ lụt trong thời gian dài. Khi đó, thay vì phải di tản, bỏ chạy để tránh lũ. Thì người dân sẽ chọn cách xây dựng nhà cửa, chăn nuôi... dựa trên đặc điểm của cơn lũ, để có thể sinh hoạt bình thường tại chỗ. Thậm chí, lợi dụng lũ lụt để phát triển kinh tế, giao thông. Thành ngữ này thường được dùng để chỉ cuộc sống của bà con vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Nghĩa bóng

Người ta thường dùng thành ngữ “sống chung với lũ” để chỉ cách sống, lối sống hòa hợp với khó khăn, nguy hiểm. Thay vì bỏ chạy khỏi những khó khăn đó, để tìm nơi khác có hoàn cảnh tốt hơn. Thì họ lại chọn sống cùng với hoàn cảnh khó khăn đó, tìm sự thoải mái, bình ổn từ chính nó.

*HS hoạt động cá nhân, dựa vào hiểu biết bản thân để bày tỏ hiểu biết.

*Yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

*GV có thể chia sẻ cùng HS suy nghĩ của bản thân mình, kết nối với bài học: Các em ạ, con người và mọi sinh vật trên trái đất đang đứng trước những thử thách khốc liệt trước những biến đổi của tạo hóa. Bài học " *Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ* " của tác giả Lê Anh Tuấn đã giúp chúng ta hiểu cách ứng phó với tự nhiên một cách hạnh phúc và hòa hợp như thế nào.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

I. KHÁM PHÁ CHUNG VỀ VĂN BẢN

Mục tiêu: Giúp HS

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả, xuất xứ, kiểu văn bản, phương thức biểu đạt, bố cục, nhan đề.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả <i>Người viết (tác giả) là ai, hoạt động</i>	1. Tác giả:

trong lĩnh vực nào? Lĩnh vực hoạt động đó tác động như thế nào đến cách tiếp cận vấn đề, hiện tượng được nêu trong VB? Có gì khác giữa cách nhìn của một nhà thơ hay nhà văn và của một nhà khoa học về hiện tượng lũ lụt?

- GV phân công HS đọc (đọc to trước lớp), nhắc HS chú ý những chỉ dẫn về chiến lược đọc trong các thẻ đặt bên phải VB. Hai chiến lược đọc chủ yếu cần vận dụng là *theo dõi* và *liên hệ*. Đối với một VB thông tin đề cập những vấn đề mang tính thời sự, đây là hai chiến lược đọc phù hợp nhất.

GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu chung tác phẩm: Chia nhóm cặp đôi (theo bàn), yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà và đối chiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ **Phiếu học tập số 1**, giao về nhà.

PHIẾU HỌC TẬP 01
Khám phá chung về văn bản
(Phiếu học tập giao về nhà)

STT	Thông tin	Trả lời
1	Tác giả:	...
2	Xuất xứ:	...
3	Kiểu văn bản:	...
4	Vấn đề được đề cập:	...
5	Phương thức biểu đạt:	...
6	Bố cục và nội dung chính (đặt tiêu đề cho từng phần):	...

(1) Có thể xếp “Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sông chung sang chào đón lũ” vào kiểu văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên được không? Vì sao?

Nếu thuận tuý là VB giải thích một hiện tượng tự nhiên, theo em, phần nào trong VB có thể lược bớt? Em có thể viết lại đoạn mở đầu của VB như thế nào?...

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu nhan đề tác phẩm:

Nhan đề của văn bản đã gợi cho em những ấn tượng, suy nghĩ gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ,

1. Tác giả



Lê Anh Tuấn
Tiến sĩ – Giảng viên cao cấp

- Sinh năm 1960, quê ở Thừa Thiên Huế

- Chuyên gia nghiên cứu về môi trường và tài nguyên thiên nhiên, về biến đổi khí hậu.

- Đã xuất bản hơn 50 bài báo, tài liệu hội thảo, sách cả tiếng Việt và tiếng Anh.



2. Tác phẩm

a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích

b. Tìm hiểu chung về văn bản

PHIẾU HỌC TẬP 01

STT	Thông tin	Trả lời
1	Tác giả:	Lê Anh Tuấn...
2	Xuất xứ:	Tạp chí <i>Kinh tế Sài Gòn Online</i> , ngày 06/02/2022)
3	Kiểu văn bản:	Văn bản thông tin
4	Vấn đề được đề cập:	Sự ứng phó tích cực của con người với thiên nhiên
5	Phương thức biểu đạt:	Nghị luận, thuyết minh
6	Bố cục và nội dung chính	<p>- Phần 1: Từ đầu => chào đón lũ (đặt vấn đề): Vai trò của lũ ở đồng bằng sông Cửu Long</p> <p>- Phần 2: Tiếp => ở các thời đoạn khó khăn (thuyết minh, lý giải về từng khía cạnh của vấn đề): Quá trình hình thành một châu thổ nói chung và châu thổ sông Cửu Long nói riêng; ích lợi và tác hại của lũ.</p> <p>- Phần 3: Còn lại (kết luận): Thái độ của người của người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long</p>

Mang tính chất, đặc điểm của VB giải thích một hiện tượng tự nhiên rất rõ

- Giải thích một cách tường tận về quá trình hình thành các châu thổ nói chung, châu thổ sông Cửu Long nói riêng

- Tác động tích cực của lũ đối với việc tạo nên một vùng thổ nhưỡng trù phú.

Mục đích chính của VB: làm sáng tỏ bản chất, nguyên nhân và những tác động tích cực của hiện tượng lũ đối với miền châu thổ sông Cửu Long

=> Là văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên

đưa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.

- HS trả lời nhanh.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV tổ chức hoạt động

- HS trả lời câu hỏi

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức



II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết, hiểu được nội dung chính, mục đích và cách triển khai văn bản.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

d. Tổ chức thực hiện

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV sử dụng phương pháp đàm thoại, tổ chức, hướng dẫn HS trả lời câu hỏi:</p> <p><i>Theo em, những phần nào hoặc câu nào của VB có thể giúp em nắm bắt được thông tin chính của VB một cách chính xác? Cần diễn đạt về thông tin chính của VB như thế nào cho phù hợp?...</i></p> <p><i>Thông tin chính mà tác giả muốn chuyển tải qua văn bản này là gì?</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS trao đổi và thực hiện nhiệm vụ thông qua kỹ thuật Think – pair – shark</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>1. Hiện tượng lũ (giới thiệu vấn đề)</p> <p>- Sa – pô: Giới thiệu về lũ</p> <p>+ Hàng trăm năm: xuất hiện từ lâu</p> <p>+ “Lũ” không về hoặc về ít => sự thay đổi của lũ</p> <p>+ Mùa nước nổi: cách gọi gần gũi</p> <p>=> Lũ có vai trò quan trọng với vùng đồng bằng sông Cừu Long</p> <p>- Cách ứng xử với lũ:</p> <p>+ Sống chung: cam chịu, bị động</p> <p>+ Chào đón: Chủ động, tích cực</p> <p>=> Sự chuyển đổi tích cực và khôn ngoan.</p>
<p>GV chuyên ý: Phần (2) là phần trọng tâm, cung cấp thông tin xoay quanh 2 nội dung chính: quá trình hình thành một châu thổ nói chung và châu thổ sông Cừu Long nói riêng; ích lợi (mặt cơ bản) và tác hại (mặt thứ yếu, không thể tránh khỏi) của lũ.. Vậy cách thể hiện văn bản giải thích hiện tượng tự nhiên như nào chúng ta tìm hiểu ở nội dung tiếp theo</p>	
<p>* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chuyển giao nhiệm vụ: HS thảo</p>	

luận nhóm 4-6 em với câu hỏi số 1
(1) Thông tin trong văn bản được thể hiện qua các phương thức nào? Nội dung và tác dụng của các phương thức đó.

Phương thức	Về nội dung	Tác dụng
Văn bản (chữ)	Lâm sáng tỏ bản chất, nguyên nhân và những tác động tích cực của lũ đối với miền châu thổ sông Cửu Long	Sự cần thiết phải chuyển đổi từ sống chung với lũ sang chào đón lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long
Hình ảnh	Đồng lũ An Giang	Mình chứng sống động cho cảnh lũ ở đồng bằng sông Cửu Long
Số liệu	Thời gian, năng suất lúa, sản lượng thủy sản, trầm tích	Mình chứng về sự trù phú do lũ mang lại

(2) Tác giả giải thích như thế nào về quá trình kiến tạo đồng bằng nói chung?

Những điểm đặc biệt trong sự hình thành vùng châu thổ sông Cửu Long là gì?

(3) Thông tin trong văn bản được trình bày theo trật tự hay quan hệ nào? Nêu nhận xét về hiệu quả của cách trình bày đó.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ

- GV quan sát, gợi mở

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm

- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

2. Tác động của lũ

a. Kiến tạo đồng bằng châu thổ:

- Vị trí: hạ lưu sông
- Hình thành và phát triển: từ lũ
- Thời gian hình thành: hàng trăm năm, hàng triệu năm
- Quá trình hình thành: mưa lớn ở đầu nguồn cuốn theo các vật liệu đổ ra sông xuôi xuống hạ lưu rồi ra biển tích tụ trầm tích và bùn cát => tạo nên đồng bằng

b. Kiến tạo châu thổ sông Cửu Long

- Có tuổi địa chất trẻ
- Thượng nguồn là dãy Hi-ma-lay-a
- Các dạng địa hình lũ đi qua: núi cao, cao nguyên, đồi núi thấp, đồng bằng và kết thúc ở vùng biển phía nam thềm lục địa của tổ quốc

Tác giả sử dụng các số liệu để tăng tính thuyết phục: Quá trình trầm tích vùng châu thổ xảy ra liên tục hơn 5 000 - 7 000 năm và theo quy luật vật lý của sự phân bố bùn cát, những hạt vật chất lớn như đá, sỏi cuội to, sỏi nhỏ và cát thô sẽ trầm tích ở phía trên trong klú các hạt cát hung, cát mịn và phù sa lơ lửng xuôi về vùng châu thổ tiếp giáp với biển,

<p>nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>* Cách triển khai thông tin:</p> <p>- Chủ yếu theo quan hệ nhân quả. Ví dụ đoạn nói về lũ: Lũ -> Kết nối dòng chảy, bồi đắp phù sa, cung cấp nguồn dinh dưỡng cho nhiều loài sinh vật -> Tạo đồng bằng màu mỡ.</p> <p>- Trình bày thông tin theo “mức độ quan trọng của đối tượng”: VD ở đoạn từ Ngập lụt đã tạo nên ít nhất là ba kết nối quan trọng đến hệ sinh thái rừng ngập mặn khó tồn tại (tác giả đã liệt kê các “kết nối” theo thứ tự: “thứ nhất”, “thứ hai”, “thứ ba”).</p> <p>⇒ Các thông tin trong văn bản có quan hệ chặt chẽ với nhau để nêu lên những ưu điểm và quá trình phát triển của vùng châu thổ Cửu Long.</p>				
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p><i>(1) Trong văn bản, hiện tượng lũ ở miền châu thổ sông cửu Long đã được soi chiếu từ nhiều góc nhìn. Có thể hiểu góc nhìn là cách tiếp cận vấn đề cũng như sự ý thức của người nói về vị thế, tư cách phát ngôn của mình. Vậy hiện tượng lũ trong VB đã được soi chiếu từ những góc nhìn nào? Sự phối hợp các góc nhìn như vậy có ý nghĩa gì?</i></p> <p><i>(2) Khi nói đến lũ, người ta thường nghĩ tới những cảnh đặc trưng gì? Trong VB của tác giả Lê Anh Tuấn, hiện tượng lũ đã được hình dung như thế nào? Phải chăng tác giả không nắm được những thông tin về tác hại của lũ ở châu thổ sông Cửu Long?</i></p> <p><i>Sự trù phú của vùng Đồng bằng sông cửu Long được biểu hiện như thế nào? (HS hoàn thành phiếu học tập)</i></p> <table border="1" data-bbox="188 1980 788 2107"> <tr> <th colspan="2">Sự trù phú của Đồng bằng sông Cửu Long vào mùa lũ</th></tr> <tr> <td>Sản vật</td><td>Biểu hiện</td></tr> </table>	Sự trù phú của Đồng bằng sông Cửu Long vào mùa lũ		Sản vật	Biểu hiện	<p>c. Sự trù phú của đồng bằng sông Cửu Long</p> <p>- Có nhiều góc nhìn về hiện tượng lũ ở châu thổ sông Cửu Long.</p> <p>+ Theo các nhà khoa học: đây là hiện tượng thủy văn bình thường và có lợi đối với con người.</p> <p>=> Phân tích cận kẽ mang tính chất chuyên môn.</p> <p>+ Góc nhìn của “những vị lão nông tri điền”: vốn dựa vào quan sát thực tế và thành quả lao động của chính họ.</p> <p>- Cách ứng xử với lũ:</p> <p>+ Xem lũ là thiên tai định kì và con người nên “sống chung” với nó để tìm cách làm giảm bớt tác hại;</p> <p>+ Xem lũ là hiện tượng đáng mong đợi, nhất là trong điều kiện “tình trạng lũ thấp và trung bình trong mùa mưa lũ có xu thế gia tăng”. => Hiện tượng lũ ở châu thổ sông Cửu Long đã được đặt dưới cách tiếp cận đa chiều.</p> <p>=> Có lợi cho việc đề xuất các chiến lược hoạt động mang tính toàn diện</p>
Sự trù phú của Đồng bằng sông Cửu Long vào mùa lũ					
Sản vật	Biểu hiện				

Ảnh hưởng của lũ	Biểu hiện
Lũ lớn	
Các kết nối	
Kết luận	

Đoạn văn cuối có sự kết nối như thế nào với nhan đề của văn bản?

(3) Những thông tin được đưa đến trong văn bản có điểm gì mới so với điều em đã biết?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ

- GV quan sát, gợi mở

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm

- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

và bền vững.

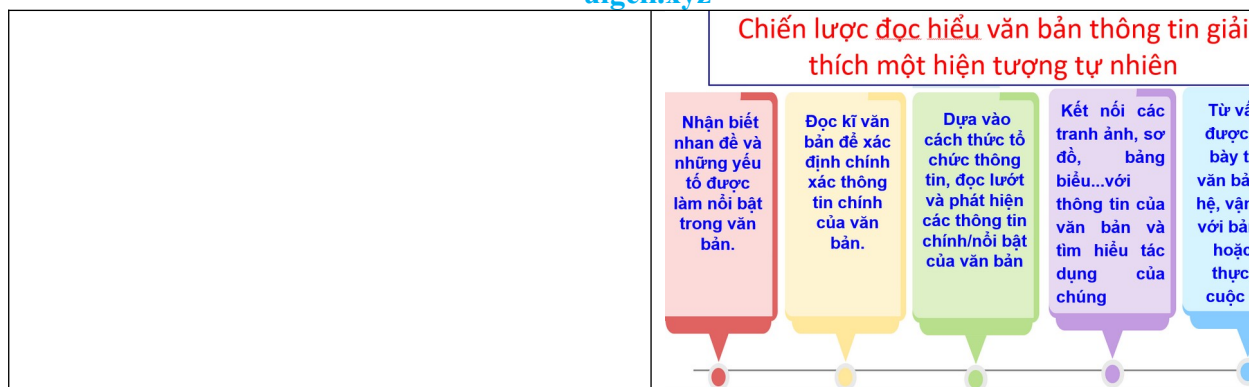
- Trong VB, tác giả quả thật không nói đến tác hại của lũ. Đây không thể gọi là một thiếu sót vì VB hướng tới mục đích đã được xác định ở nhan đề: lũ ở châu thổ sông Cửu Long không phải là tai ương mà là một hiện tượng đáng mong chờ. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế nếu ta nhìn vào nguồn lợi lớn mà lũ mang lại, bất chấp những tác hại nhỏ và có tính đột xuất mà nó có thể gây nên trong những “trận lũ lớn lịch sử”.

Sự trù phú của Đồng bằng sông Cửu Long vào mùa lũ

Sản vật	Biểu hiện
Lúa	100 ngày sản xuất được 7-8 triệu tấn
Rau củ trái cây	Trong 3-4 tháng mùa mưa thu hoạch 5 triệu tấn
Cá tôm thủy sản	1,2 đến 1,5 triệu tấn

Ảnh hưởng của lũ	Biểu hiện
Lũ lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Cá, chim, sản vật nhiều - Năm sau canh tác sẽ trúng mùa vì <ul style="list-style-type: none"> + Phù sa màu mỡ, làm vệ sinh đồng ruộng và bổ sung nguồn nước tại chỗ. + Cuối mùa lũ những đàn chim én tụ về, cây cối xanh tươi <p>⇒ Nhiều lợi ích lũ mang lại</p>
Các kết nối	<ul style="list-style-type: none"> - Kết nối dòng chảy giữa đoạn sông thượng lưu và đoạn sông hạ lưu trong

	<div data-bbox="954 114 1385 734"> <p>quá trình chuyển nước, cá và phù sa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết nối giữa sông và hai bèn bờ: mang theo phù sa màu mỡ và tôm cá - Kết nối thủy vực nuôi dưỡng hệ sinh thái ngập mặn <p>=> Hệ sinh thái cửa sông đa dạng, rừng ngập mặn phát triển</p> </div> <div data-bbox="836 734 1399 846"> <p>Kết luận Lũ có nhiều lợi ích với Đồng bằng sông Cửu Long</p> </div>
	<p>Đoạn cuối tạo sự kết nối với nhân đề của văn bản: thống nhất về nội dung và vấn đề được triển khai</p>
<p>- GV nêu câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) <i>Nêu những đặc sắc trong nghệ thuật đưa thông tin của tác giả trong văn bản.</i> 2) <i>Nội dung chính của văn bản.</i> 3) <i>Nêu lên điều có ý nghĩa nhất mà em thu nhận được sau khi đọc văn bản này.</i> 4) <i>Từ văn bản trên, em cần lưu ý điều gì về cách đọc kiểu văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên?</i> <p>- GV quan sát, hỗ trợ.</p> <p>- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại.</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày thông tin theo quan hệ nhân quả và mức độ quan trọng của đối tượng - Sử dụng những số liệu chính xác, có căn cứ thuyết phục. - Nhan đề ẩn tượng, gợi suy đoán; nhiều chi tiết mang tính điển hình. <p>2. Nội dung – Ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lũ mang lại nhiều lợi ích đối với đồng bằng sông Cửu Long - Hãy thấu hiểu và sống hòa hợp với thiên nhiên để mang lại niềm vui và hạnh phúc cho cuộc sống - Các góc nhìn khác nhau sẽ quyết định lăng kính chủ quan về đối tượng được tiếp cận <p>3. Cách đọc hiểu văn bản thông tin</p>



HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố nội dung, cách trình bày thông tin trong VB giải thích một hiện tượng tự nhiên.

b. Nội dung: HS dựa vào nội dung đã tìm hiểu để trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để tìm câu trả lời.

- Bài tập: Em hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện cách trình bày văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên được thể hiện trong văn bản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học để liên hệ trải nghiệm thực tiễn của cá nhân.

b. Nội dung: HS vận dụng kỹ năng viết đoạn để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

*GV hướng dẫn HS vận dụng những hiểu biết thu nhận được từ việc đọc VB để thực hiện viết đoạn văn trong khoảng 5-7 phút.

* **Đề bài 1:** Hãy viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) nêu những thu nhận bổ ích của em qua đọc văn bản “Miền châu thổ sông cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ”.

***Gợi ý:**

- **Về hình thức:** Số câu cần đúng với quy định, đoạn văn không ngắn quá hoặc dài

quá, có phần Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn rõ ràng. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp, không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.

- **Về nội dung:** Đoạn văn cần trả lời được các câu hỏi: văn bản “Miền châu thổ sông cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ” mang lại cho em những thu nhận bổ ích gì?

Đề bài 2: Thiết kế 1 poster hoặc 1 video giải thích về một hiện tượng tự nhiên ở địa phương mình.

Tiêu chí:

Video:

- + Dài không quá 1 phút
 - + Âm thanh hình ảnh thu hút
 - + Bố cục, nội dung trọng tâm, chi tiết
- Poster: + Gồm cả kênh chữ, kênh hình
- + Bố cục, nội dung trọng tâm, chi tiết

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện yêu cầu. GV quan sát, hỗ trợ những HS gặp khó khăn.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- Gọi ngẫu nhiên một HS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn theo bảng kiểm.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Đọc văn bản “Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ” của tác giả Lê Anh Tuấn, ta càng hiểu và yêu hơn con người cũng như cuộc sống nơi đây(1). Bao đời nay, gần như ai cũng mặc định rằng lũ lụt là một hiện tượng trong tự nhiên mang lại những hiểm họa cần phải phòng tránh như ngập lụt, cuốn trôi nhà cửa ruộng vườn thậm chí gây thiệt hại đến tài sản, tính mạng con người (2). Thế nhưng đối với người dân người ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lũ lại mang một tâm thế mới, một tầm vóc mới với cái nhìn hoàn toàn mới (3). Ở nơi đây, lũ được gọi là mùa nước nổi và không còn khiến con người phải lo lắng và sợ hãi nữa (4). Vì sao vậy? Vì nó đem đến nhiều lợi ích cho cuộc sống con người nơi đây (5). Những trận lũ lớn sẽ làm xuất hiện rất nhiều chim cò và các sản vật của nước lũ (6). Khi con lũ đi qua, nó quét sạch đi những gì không tốt cho đất, giúp đất đai được thau chua rửa mặn và đặc biệt là tạo nên một lớp đất phù sa ngọt màu mỡ dọc hai bên bờ sông Tiền và sông Hậu (7). Sự màu mỡ đó đã góp phần tạo nên một vựa lúa lớn nhất cả nước cùng với sự dồi dào sản vật mùa nước nổi, cuộc sống của bà con vùng Tây Nam Bộ của tổ quốc không chỉ ấm no mà còn đem gạo đi xuất khẩu ở nhiều nước trên thế giới đưa nước ta trở thành một trong ba nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới(8). Chính vì vậy người dân ở nơi đây đã dần biết chuyển đổi từ sống chung với lũ sang chào đón lũ là vậy (9).

uigeli.xyz
Bảng kiểm
Đánh giá kỹ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 7 - 9 câu.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề yêu cầu.		
3	Lí lẽ dẫn chứng thuyết phục.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các đơn vị kiến thức và nhiệm vụ của bài học.
- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu bài **Thực hành tiếng Việt: Các kiểu câu phân loại theo mục đích nói**

BÀI 9

TIẾT : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

CÁC KIỂU CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI

I. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức

- Học sinh nắm được đặc điểm hình thức, chức năng của các kiểu câu phân loại theo mục đích nói trong câu. Nâng cao hiểu biết và kỹ năng sử dụng TV.

2. Kỹ năng

- Rèn cho học sinh kỹ năng sử dụng các kiểu câu phù hợp với hành động nói để thực hiện các mục đích giao tiếp khác nhau. .

3. Thái độ

- GD cho hs ý thức lựa yêu thích môn học , có thức ôn tập chuẩn bị kiểm tra.

II. Chuẩn bị tài liệu

1. Giáo viên

Soạn bài, nghiên cứu bài, đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kỹ năng, chuẩn bị đồ dùng(bảng phụ).

2. Học sinh

Chuẩn bị bài, học bài cũ, sgk, nháp, vở ghi...

III. Tiến trình tổ chức dạy học

Hoạt động 1; Khởi động

1. Mục tiêu

- Tạo tâm thế hứng thú, khơi gợi để học sinh bắt đầu tiết học
- Kích hoạt tri thức nền về kỹ năng nghe, nói, sử dụng tiếng Việt

2. Nội dung: học sinh diễn kịch

3. Sản phẩm: vở kịch của học sinh

4. Tổ chức thực hiện

- Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên mời nhóm học sinh đã được giao chuẩn bị vở kịch lên diễn trước lớp và đưa ra câu hỏi: “ Trong vở kịch, kiểu câu nào được sử dụng nhiều nhất? Hãy nhắc lại một trong những câu đó?”

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh lên diễn kịch

+ các học sinh khác xem và lắng nghe để trả lời câu hỏi

- Báo cáo, thảo luận:

+ Học sinh trả lời câu hỏi, các học sinh khác bổ sung, nhận xét,

+ Giáo viên quan sát, đánh giá thái độ, khen ngợi học sinh

+ Gv chốt và chuyển ý

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

1. Mục tiêu

- Học sinh nắm được đặc điểm hình thức, chức năng của các loại câu chia theo mục đích nói
- Biết cách sử dụng trong văn bản nói và viết

2. Nội dung: học sinh hoạt động nhóm, cá nhân

3. Sản phẩm: kết quả thảo luận nhóm, câu trả lời cá nhân..., phiếu học tập

4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Kiến thức cần đạt
------------------------	-------------------

HD1. HDHS ÔN TẬP VỀ KIỂU CÂU: NGHI VẤN, CẦU KHIẾN, CẢM THÁN TRẦN THUẬT, PHỦ ĐỊNH.

- Yêu cầu học sinh nhắc lại đặc điểm hình thức và chức năng của các kiểu câu

I. kiểu câu: nghi vấn, cầu khiến, cảm thán trần thuật, phủ định:

1. Lí thuyết:

+) Câu nghi vấn: là câu có các từ nghi vấn(ai gì, nào, đâu, là gì, ...

- Có chức năng chính là dùng để hỏi, khi viết thường kết thúc bằng dấu chấm hỏi.

+ Nó ở đâu ?

+ Tiếng ta đẹp như thế nào?

+ Ai biết ?

+ Nó tìm gì ?

+ Cô bạn ở đâu ?

- Trong nhiều trường hợp, câu nghi vấn không dùng để hỏi mà dùng để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ t/c cảm xúc...và không cần người đối thoại trả lời.

- Nếu không dùng để hỏi thì trong một số trường hợp, câu nghi vấn có thể kết thúc bằng dấu chấm than, dấu chấm, dấu chấm lửng.

+ Câu cầu khiến:

- Câu cầu khiến là câu có những từ cầu khiến như: hãy, đừng, chớ...nào...hay ngữ điệu cầu khiến, dùng để yêu cầu, ra lệnh khuyên bảo

- Khi viết câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than nhưng khi ý kiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm.

VD:

Thôi đừng lo lắng – khuyên bảo.

Cứ về đi – yêu cầu.

Đi thôi con. – yêu cầu

+) Câu cảm thán:

- Câu CT có từ cảm thán: Than ôi, hỡi ơi, chao ôi, xiết bao...

- Câu CT dựng đề : bộc lộ cảm xúc, kết thúc bằng dấu (!)

- Không dựng câu cảm thán trong văn bản điều hành(hành chính).

- Câu cảm thán xuất hiện chủ yếu trong lời nói hằng ngày hay ngôn ngữ văn chương.

+) Câu trần thuật :không có hình thức của kiểu câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán, thường để kể thông báo, nhận định, miêu tả...

- Ngoài chức năng chính trên đây, câu trần thuật cũng dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ t/c cảm xúc...(vốn là chức năng chính của các kiểu câu khác)

- Khi viết, câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm nhưng đôi khi nó có thể kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.

- Đây là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến nhất trong giao tiếp.

VD: - Ông ấy là một người tốt.

- Ngay mai cả lớp đi lao động.

+) Câu phủ định: là câu chứa những từ ngữ phủ định như không, chưa, chẳng, chả, không phải, chẳng phải (là) đâu cả phải (là),.....

- Câu phủ định dựng đề :

+ Thông báo xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất quan hệ nào đó (câu phủ định miêu tả)

+ Phán bác một ý kiến, một nhận định

(câu phủ định bác bỏ)

	<p>VD: Nó không đi Hà Nội.</p> <p>Tôi chưa bao giờ chơi thân với nó.</p>
<p>- Gọi hs đọc hs đọc yêu bài tập sgk</p> <p><i>H: Xác định các kiểu câu trong đoạn văn?</i></p>	<p>2. Bài tập 1:</p> <p>- Câu 1 : Trần thuật ghép, có 1 vế phủ định.</p> <p>- Câu 2 : Trần thuật đơn</p> <p>- Câu 3 : Trần thuật ghép, vế sau vị ngữ phủ định (Không nổi giận)</p>
<p>- Gọi hs đọc và xác định yêu cầu bài tập 2</p> <p><i>H: Đặt một câu nghi vấn dựa vào nội dung câu 2 trong bài tập 1?</i></p> <p><i>H: Đặt câu cảm thán chứa một trong những từ như :vui, buồn, hay, đẹp...</i></p>	<p>3. Bài tập 2:</p> <p>+) Đặt câu nghi vấn :</p> <p>Những nỗi lo lắng, buồn đau , ích kỉ có thể che lấp bản tính tốt của người ta không?</p> <p>4. Bài tập 3:</p> <p>- Chao ôi , gặp lại bạn mình vui quá!</p> <p>- Chia tay nhau, buồn ơi là buồn!</p>
<p>- GV hướng dẫn hs làm bài tập 4</p> <p><i>H: Trong những câu trên câu nào là câu trần thuật , CK ,nghi vấn?</i></p> <p><i>H: Câu nào trong số những câu nghi vấn dùng để hỏi ?</i></p> <p><i>H: Câu nào trong số những câu nghi vấn trên không được dùng để hỏi ? Nó được dùng làm gì ?</i></p>	<p>5. Bài tập 4:</p> <p>a. Trần thuật : Câu 1,3,6</p> <p>- Câu CK : 4</p> <p>- Câu nghi vấn 2,5,7</p> <p>b. Câu 7 : Nghi vấn dùng để hỏi.</p> <p>c. Không dùng để hỏi : Câu 2, 5</p> <p>- Câu 2 dùng biểu lộ sự ngạc nhiên về Lão Hạc . Nó được dùng nêu lên điều ngạc nhiên bất ngờ của người nói, bộc lộ cảm xúc.</p> <p>- Câu 5 dùng để giải thích, quan niệm của ông giáo và của</p>

chung mọi người.

HD2. HDHS ÔN TẬP HÀNH ĐỘNG NÓI:

H: Nêu khái niệm hành động nói? Cách thực hiện hành động nói?

II. Hành động nói:

1. HD nói là một hđ thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.
2. Mỗi hành động nói được thực hiện bằng một kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó (cách dùng trực tiếp). Hoặc dùng bằng kiểu câu khác(cách dùng gián tiếp).

H: Xác định hành động nói của các câu đã cho theo bảng.

3. Luyện tập:

Bài tập 1(131)

ST T	Câu đã cho	HĐnói
1	Tôi bật cười bảo lão:	Kể- trình bày
2	- Sao cụ lo xa quá thế ?	Hỏi- Bộc lộ cảm xúc
3	- Cụ còn khoẻ lắm chưa chết đâu mà sợ!	Trình bày
4	Cụ cứ để tiền đấy mà ăn, lúc chết háy hay!	Điều khiển
5	Tội gì bây giờ nhịn đói mà để tiền lại ?	Trình bày
6	- Không, ông giáo a!	Trình bày
7	ăn mãi đi thì đến lúc chết lấy gì	Hỏi

	mà lo liệu?	
--	-------------	--

4. Củng cố, luyện tập

H: Nêu đặc điểm hình thức và chức năng của các kiểu câu đã học?.

5. Hướng dẫn học ở nhà

- Học bài cũ, chuẩn bị: Ôn tập(tiết 2)

(Làm các bài tập SGK)

Xem thêm các bài soạn Giáo án Ngữ văn lớp 8 hay khác:

Ngày soạn:

Ngày dạy

Tiết...**Bài 9. VĂN BẢN 2. CHOÁNG NGỢP VÀ ĐAU ĐÓN NHỮNG CẢNH BÁO TỪ LOẠT PHIM “HÀNH TINH CỦA CHÚNG TA”**

(Lâm Lê)

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức: - HS nhận biết được các đặc điểm nổi bật của VB giới thiệu về một bộ phim.

- HS phân tích được tác dụng của việc sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong một VB thông tin.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản “Choáng ngợp và đau đón những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản “Choáng ngợp và đau đón những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề;

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất và thể hiện được khát vọng khám phá những điều bí ẩn, kì diệu của sự sống.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- SGK, SGV, Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh có liên quan đến văn bản “Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”;

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 2 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

A. Hoạt động mở đầu

*B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV hỏi: Trong những năm gần đây, khi bàn về môi trường tự nhiên trên Trái Đất, có một số cụm từ hay hình ảnh được các phương tiện truyền thông nhắc đến rất nhiều lần. Theo tìm hiểu của em, đó là những cụm từ hay hình ảnh nào?

* B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, toàn lớp, vận dụng sự hiểu biết để trả lời.

* B3. Báo cáo kết quả:

- GV gọi HS trình bày kết quả phát hiện được. HS khác bổ sung. HS sẽ có thể tìm ra nhiều cụm từ khác nhau như: Biến đổi khí hậu, nhiệt độ trái đất nóng lên, môi trường suy thoái, ô nhiễm môi trường...

* B4. Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, (chiếu cho HS xem một số hình ảnh minh họa).

Tôn trọng ý kiến của HS, có nhiều cụm từ khác nhau, tất cả đều chung một vấn đề đó là Trái đất, môi trường thiên, sự sống của con người và sinh vật đang bị đe dọa. Điều này được báo chí, các phương tiện thông tin cập nhật cảnh báo rất nhiều. Có rất nhiều bộ phim với những thước quay thực tế sinh động về Trái đất-ngôi nhà chung của nhân loại. Có một loạt phim về môi trường thiên nhiên đã tạo đồng cảm sâu sắc đến tình cảm, thái độ của nhà văn, nhà báo Lâm Lê. Đó là nguồn cảm hứng để ông viết ra văn bản **“Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”**”

Sự đồng cảm đó thể hiện như thế nào, chúng ta cùng khám phá văn bản.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>*B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>? Trình bày hiểu biết của em về tác giả?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. - GV đọc mẫu 2 đoạn đầu rồi cho một số HS đọc VB trước lớp (thay nhau đọc từng phần VB). - Lưu ý về cách đọc: đọc đúng các tên riêng nước ngoài, chú ý nhấn giọng khi đọc những cụm từ in đậm đánh dấu từng phần của VB; thể hiện được thái độ, cảm xúc phù hợp với từng nội dung thông tin;... Nhắc HS chú ý các thể gợi ý về chiến lược đọc. <p>? Giải thích nghĩa của một số từ khó trong văn bản?</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Hành tinh của chúng ta” có tên tiếng Anh là <i>Our Planet</i>. - <i>BBC Earth</i>: một chương trình thuê bao tài liệu, thuộc quyền sở hữu và điều hành của BBC Studios (Anh). - <i>Pich-xa</i>: hãng phim hoạt hình nổi tiếng của Hoa Kỳ. <p>? Văn bản sử dụng phương thức biểu đạt nào? Thuộc kiểu văn bản gì? Căn cứ vào đâu em xác định như vậy? (VB “<i>Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”</i>” thuộc kiểu VB thông tin giới thiệu một bộ phim. Căn cứ để xác định: VB có giới thiệu về nhà sản xuất, năm phát hành, các thành viên chủ chốt của đoàn làm phim, nội dung phim, những giá trị nổi bật của phim, nghĩa là mang đầy đủ những đặc điểm của kiểu VB giới thiệu một bộ phim).</p> <p>? Văn bản chia làm mấy phần? Nội dung của từng phần?</p> <p>* B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS hoạt động cá nhân, sử dụng sách giáo khoa, kết hợp vở soạn bài, vận dụng kiến thức đã học để tự giải quyết các câu hỏi.</p> <p>* B3. Báo cáo kết quả:</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p><i>Lâm Lê</i>: bút danh của Lê Hồng Lâm, sinh năm 1977, quê ở Quảng Trị, là nhà báo chuyên viết phê bình điện ảnh; tác giả của các cuốn sách: <i>Xem chữ đọc hình</i> (2005), <i>Chơi cùng câu true</i> (2009), <i>Cánh chim trong gió</i> (2016), <i>101 bộ phim Việt Nam hay nhất</i> (2018), <i>Người tình không chân dung</i> (2020).</p> <p>2. Đọc - tóm tắt và giải thích từ khó</p> <p>3. Phương thức biểu đạt: Thuyết minh</p> <p>4. Kiểu văn bản: Văn bản thông tin giới thiệu bộ phim.</p> <p>5. Bố cục: 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1 (Đoạn 1,2): giới thiệu chung về “loạt phim”; - Phần 2 (các đoạn nằm trong đề mục <i>Rất nhiều loài đang đứng bên bờ vực tuyệt chủng</i>): nhấn mạnh những nguy cơ đối với môi trường sống mà “loạt phim” muốn thể hiện; - Phần 3 (gồm các đoạn tiếp nối sau đề mục <i>Nhưng vẫn chưa quá muộn</i>): Những tín hiệu tích cực, khả quan qua 8 tập phim <i>Hành tinh của chúng ta</i>. <p>II. Khám phá văn bản.</p>

HS xung phong trả lời hoặc trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV.

*** B4. Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.**

GV gọi HS trả lời, lần lượt giải quyết các câu hỏi. Gọi HS khác bổ sung, nhận xét câu trả lời của bạn.

- GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức, cho học sinh ghi ngắn gọn.

HOẠT ĐỘNG NHÓM (5 phút)

***B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chia nhóm, mỗi nhóm gồm 2 bàn quay mặt lại với nhau.

- Yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nhóm trong vòng 5 phút:

? Tóm tắt những thông tin cơ bản về loạt phim được tác giả trình bày trong văn bản vào phiếu học tập theo mẫu dưới đây?

Những thông tin cơ bản về loạt phim	
Giới thiệu chung về loạt phim	
Nội dung của loạt phim	

*** B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoạt động theo nhóm, ghi kết quả vào bảng phụ theo mẫu

*** B3. Báo cáo kết quả:**

- GV gọi đại diện 1 nhóm trưởng của 1 nhóm lên trình bày kết quả của nhóm.

- Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung sản phẩm của nhóm trên bảng.

*** B4. Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức**

- GV yêu cầu các nhóm đối chéo kết quả cho nhau

- GV nhận xét, bổ sung, chuẩn hóa kiến thức, yêu cầu học sinh chấm bài của nhóm bạn.

- Hỏi kết quả điểm của từng nhóm sau khi chấm

- HS ghi kết quả chuẩn kiến thức vào vở:

1. Tóm tắt những thông tin cơ bản về loạt phim

+ Bộ phim gồm 8 tập, quay về 8 môi trường sống khác nhau trên Trái Đất.

+ Tái hiện vẻ đẹp kì diệu, phong phú của thế giới tự nhiên trên Trái Đất **(choáng ngợp)**.

+ Cảnh báo về sự suy thoái của môi trường sống **(Đau đớn)**.

+ Lạc quan vì những tín hiệu tích cực về khả năng phục hồi của môi trường **(Hy vọng)**.

Những thông tin cơ bản về loạt phim		
Giới thiệu chung về loạt phim	<ul style="list-style-type: none"> + Bộ phim gồm 8 tập. + Bộ phim mang thông điệp “Hãy cứu lấy hành tinh của chúng ta...” + Bộ phim quay về 8 môi trường sống khác nhau trên Trái Đất. 	
Nội dung của loạt phim	<ul style="list-style-type: none"> + Tái hiện vẻ đẹp kì diệu, phong phú của thế giới tự nhiên trên Trái Đất (choáng ngợp). + Cảnh báo đau lòng về sự suy thoái của môi trường sống bởi nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân đến từ hoạt động của con người (Đau đớn). + Toát lên sự lạc quan, những tín hiệu tích cực về khả năng phục hồi của môi trường sống trên Trái Đất nhờ vào sự “tỉnh ngộ” của con người (Hy vọng). 	
<p>(HẾT TIẾT 1)</p> <p>*B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>? Dựa vào thông tin của văn bản, em hãy chỉ ra những dẫn chứng biểu hiện cho vẻ đẹp của thiên nhiên? Để tái hiện nội dung đó, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào là chủ yếu? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?</p> <p>* B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS làm việc cá nhân, toàn lớp, đọc tìm kiếm thông tin ở SGK .</p> <p>* B3. Báo cáo kết quả:</p> <p>- GV gọi HS trình bày kết quả phát hiện được. HS khác bổ sung.</p> <p>* B4. Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.</p> <p>GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, ghi bảng, (chiều cho HS xem một số hình ảnh minh họa).</p> <p>- Những cánh rừng mưa nhiệt đới, những đại dương sâu thẳm, sông ngòi và những khu rừng rậm đa dạng ở Nam Mỹ, hàng chục ngàn chú chim cánh cụt đi lạch</p>		<p>2. Những cảnh báo từ loạt phim</p> <p>a. Vẻ đẹp kì vĩ, diễm lệ của đời sống muôn loài</p> <p>Những cánh rừng mưa nhiệt đới, những đại dương sâu thẳm, sông ngòi và những khu rừng rậm, hàng chục ngàn chú chim cánh cụt đi lạch bạch, những con hải mã khổng lồ, mập mạp, đàn cá heo, cá mập, cá ngừ vây xanh... như thể chúng bước ra từ một bộ phim hoạt hình của hãng Pích-xa⁽²⁾ (Pixar)...</p> <p>* Sử dụng phép liệt kê và</p>

bach qua những con đường nhỏ hẹp trên tuyết ở Nam Cực, những con hải mã khổng lồ, mập mạp nằm lười biếng trong đàn hay cạnh tranh để chinh phục con cái, cuộc săn mồi ki vĩ của đàn cá heo, cá mập, cá ngừ vây xanh ở đại dương, những chú ếch có đôi mắt to bám trên dây leo được quay chậm, như thể chúng bước ra từ một bộ phim hoạt hình của hãng Pích-xa⁽²⁾ (Pixar)...

*B1. Chuyển giao nhiệm vụ

? Dựa vào thông tin của văn bản, em hãy chỉ ra những dẫn chứng biểu hiện sự xuống cấp, suy thoái của thiên nhiên? Em có nhận xét gì về những cảnh báo đó?

* B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, toàn lớp, đọc tìm kiếm thông tin ở SGK .

* B3. Báo cáo kết quả:

- GV gọi HS trình bày kết quả phát hiện được. HS khác bổ sung.

* B4. Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, ghi bảng, (chiếu cho HS xem một số hình ảnh minh họa).

- Nhiều loài động vật hoang dã bị thu hẹp do biến đổi khí hậu; loài gấu tuyết Bắc Cực phải vất vả kiếm mồi trên những tảng băng; những con hải mã bị mất môi trường sống do băng tan phải leo lên những vực đá và chen chúc trong khoảng không gian chật hẹp, và chết hàng loạt.

- Những dòng sông nước ngọt dài đến hàng ngàn ki-lô-mét như sông Mê Kông,.. .. đều bị tàn phá nghiêm trọng khiến nhiều giống loài biến mất hoặc đứng bên bờ tuyệt chủng.

- Hơn 70% diện tích của các rừng mưa nhiệt đới bị tàn phá, khiến nhiều loài động vật hoang dã mất nơi ở, nhiệt độ trên Trái Đất ngày càng nóng dần lên; lũ lụt, hạn hán ngày càng gây hậu quả nặng nề; số lượng những loài động vật quý như hổ, sư tử, báo đốm, .. cũng đang giảm nhanh chóng.

so sánh, làm nổi bật vẻ đẹp trù phú, sinh động của thế giới tự nhiên, vẻ đẹp đến ngỡ ngàng, **choáng ngợp**.

b. Sự suy thoái, mai một của môi trường

- Nhiều loài động vật hoang dã bị thu hẹp do biến đổi khí hậu, nước ngọt và rừng bị tàn phá

- Ở các đại dương, một phần ba lượng cá đã biến mất...

- Lũ lụt, hạn hán ngày càng trầm trọng, nhiệt độ trái đất nóng lên...

* Những số liệu, minh chứng sinh động, cảnh báo sự sa sút, suy thoái của môi trường tự nhiên ở mức trầm trọng, gây cảm giác **đau đớn**.

- Ở các đại dương, nhiều loài cá cũng đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Một phần ba lượng cá đã biến mất...

*B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận cặp đôi (2 phút):
? Em rút ra được thông điệp sâu sắc nào từ văn bản?

* B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cặp đôi theo bàn

* B3. Báo cáo kết quả:

- GV gọi đại diện các cặp đôi trình bày kết quả thảo luận. Cặp đôi khác nhận xét, khác bổ sung.

* B4. Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.

- GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức, ghi bảng:

Các thông điệp chính toát ra từ bộ phim, gắn liền với hai từ khoá là *choáng ngợp* và *đau đớn* (*choáng ngợp* trước vẻ đẹp kì vĩ, diễm lệ của đời sống muôn loài và *đau đớn* trước sự mai một, thậm chí biến mất của vẻ đẹp đó).

Dù Trái Đất đang bị tàn phá nghiêm trọng, nhưng vẫn còn kịp để cứu lấy ngôi nhà duy nhất của chúng ta. Nhiều loài động thực vật lại được hồi sinh nhờ những cam kết bảo vệ nghiêm ngặt trong các khu vực bảo tồn trên thế giới. Một ví dụ điển hình nhất là sự phục hồi của loài cá Voi lưng gù.

(HẾT TIẾT 2)

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

? Theo em, những giá trị nổi bật tạo nên thành công của văn bản là gì? Nội dung cơ bản nhất của văn bản là gì? Qua đó thể hiện thái độ, tình cảm gì của tác giả?

* B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, toàn lớp, đọc tìm kiếm thông tin ở SGK .

* B3. Báo cáo kết quả:

- GV gọi HS trình bày kết quả phát hiện được. HS khác bổ sung.

3. Thông điệp chính từ loạt phim

- *Choáng ngợp* trước vẻ đẹp kì vĩ, diễm lệ của đời sống muôn loài.

- *Đau đớn* trước sự mai một, thậm chí biến mất của vẻ đẹp đó.

- Lạc quan vì vẫn còn kịp để cứu lấy ngôi nhà duy nhất của chúng ta.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Biện pháp nghệ thuật liệt kê, so sánh; nhiều từ láy, tính từ miêu tả giàu tính gợi hình...

- Số liệu, hình ảnh minh họa chân thực, sinh động

<p>* B4. Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.</p> <p>Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật liệt kê, so sánh; nhiều từ láy, tính từ miêu tả giàu tính gợi hình - Số liệu, hình ảnh minh họa chân thực, sinh động giàu thuyết phục <p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ca ngợi vẻ đẹp kỳ vĩ, sinh động của thiên nhiên - Cảnh báo sự xuống cấp, suy thoái của môi trường - Bày tỏ lòng yêu thiên nhiên sâu sắc, tin tưởng và hy vọng vào sự nỗ lực của loài người trong việc cứu lấy ngôi nhà chung... 	<p>...</p> <p>2. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ca ngợi vẻ đẹp kỳ vĩ, sinh động của thiên nhiên - Cảnh báo sự xuống cấp, suy thoái của môi trường - Tin tưởng và hy vọng vào sự nỗ lực cứu lấy ngôi nhà chung...
--	--

C. Luyện tập

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi (3 phút)

1. Các hình ảnh minh họa trong văn bản thể hiện đặc trưng của kiểu văn bản nào? Các hình ảnh đó có ý nghĩa gì?

2. Tác giả văn bản đã thể hiện sự đồng cảm như thế nào đối với nhóm làm phim?

* B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân đọc tìm kiếm thông tin ở SGK, sau đó trao đổi cặp đôi thống nhất ý kiến (3 phút),

* B3. Báo cáo kết quả:

- GV gọi đại diện HS trình bày kết quả phát hiện được. HS cặp đôi khác bổ sung.

* B4. Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.

1. - Kiểu văn bản đa phương thức sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

- Các hình ảnh minh họa đã chứng minh tính xác đáng của nhận xét mà tác giả nêu: “Ở mỗi tập phim, người xem lại được thưởng thức những thước phim đẹp đẽ, thậm chí choáng ngợp mà những nhà làm phim đã kì công tạo nên” , tăng tính thuyết phục.

2. Sự đồng cảm của tác giả đối với loạt phim được thể hiện :

- + Cách tác giả đặt nhan đề đầy tính biểu cảm và sử dụng nhiều cụm từ mang nội dung biểu dương, ca ngợi.
- + Sự tâm đắc với những thông điệp chính của “loạt phim”
- + Miêu tả lại bằng phương tiện ngôn ngữ những hình ảnh đẹp có trong phim với cảm giác thích thú (chú ý đoạn từ *Hàng chục ngàn chú chim cánh cụt đến một bộ phim hoạt hình của hãng Pixar*).

C. Vận dụng:

Em có đồng cảm với thông điệp mà tác giả và loạt phim đưa ra không? Viết một đoạn văn 10 đến 15 câu thể hiện sự hưởng ứng của em về mong muốn cứu lấy Trái đất- ngôi nhà chung của chúng ta.

Đọc – hiểu vb 3

DIỄN TỪ ỨNG KHẨU CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ XI-ÁT-TON

- Xi – át – ton -

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Những nét tiêu biểu về thủ lĩnh Xi-át-ton
- Những nét chung về văn bản “Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton”.
- Thái độ của người da đỏ đối với môi trường.

2. Năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.
- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản “Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton”.
- Phân tích được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

3. Phẩm chất: Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm: có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu...

- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5')

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát một số hình ảnh trong cuộc sống.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm:

- HS nói được nội dung của những hình ảnh đó là cháy rừng, lũ lụt và sóng thần
- Học sinh nêu nguyên nhân của hiện tượng cháy rừng và lũ lụt, sóng thần là do ô nhiễm môi trường

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em đến với một số hình ảnh sau. Các em chú ý quan sát những hình ảnh và cho cô biết:

1. Nêu nội dung những bức ảnh, nguyên nhân nào gây ra hậu quả trên?
2. Dựa vào quan sát môi trường xung quanh, em hãy cho biết thực trạng môi trường hiện nay?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV chiếu hình ảnh

HS:

- Nhận nhiệm vụ.
- Quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

- Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

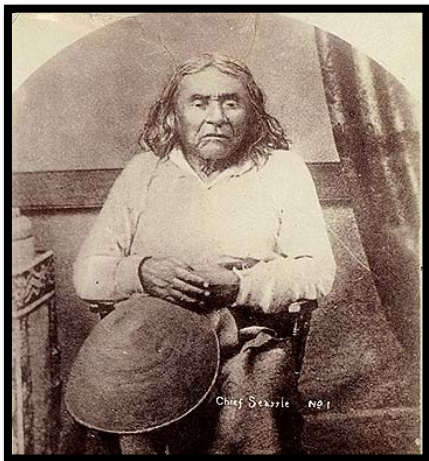
HS trả lời câu hỏi 1, 2...

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)
- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:.....

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30')

I. TÌM HIỂU CHUNG (10 phút)

1. Tác giả	
<p>Mục tiêu: Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về Xi-at-ton</p> <p>Nội dung:</p> <p>GV: Sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao.</p>	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>(?) Trình bày những thông tin chính về Xi-at-ton?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV gợi ý: Quan sát chú thích trong SGK</p> <p>HS: Đọc thông tin về Xi-át-ton ở chú thích trong SGK để trả lời câu hỏi</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV: Mời HS trả lời câu hỏi</p> <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện trình bày thông tin về Xi-at-ton – - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn 	 <p>- Xi-at-ton là một tù trưởng bộ tộc Duwamish sinh sống tại vùng Tây Bắc Hoa Kỳ, khi vùng đất thuộc tiểu bang Washington ngày nay còn</p>

trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV: - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.	là vùng đất của người da đỏ.
Chuyển dẫn: GV tập trung vào phong cách sáng tác để bình, kết nối sang phần 2	

2. Tác phẩm	
Mục tiêu: - HS biết cách đọc và tóm tắt văn bản “Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton” - Trình bày được những thông tin chính: + Hoàn cảnh sáng tác + Thể loại + Bố cục... Nội dung: GV: Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ. HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc - Yêu cầu HS tóm tắt ngắn gọn văn bản Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Yêu cầu HS đọc mẫu	a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích - Đọc - Chú thích (SGK) + <i>Diễn từ</i> + <i>Ứng khẩu</i>

- Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc

HS đọc mẫu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét cách đọc và phân tóm tắt của HS

- Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản

b. Tìm hiểu chung về văn bản

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)

- Yêu cầu HS mở PHT số 1

- Chia nhóm cặp đôi theo bàn

- Nhiệm vụ:

+ Hoán đổi PHT cho nhau

+ 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị

+ 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
Nội dung tìm hiểu	Câu trả lời
Hoàn cảnh sáng tác	
Thể loại	
Bố cục	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý: Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không.

HS: Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.

b. Tìm hiểu chung về vb

ND tìm hiểu	Câu trả lời
Hoàn cảnh sáng tác	bức thư gửi cho tổng thống Hoa Kỳ thứ 14 Franklin Pierce về việc chuyển nhượng đất của người da đỏ.
Thể loại	văn bản thông tin
Bố cục	3 phần + Phần 1: từ đầu... cha ông chúng tôi → Những điều thiêng liêng trong kí ức người da đỏ. + Phần 2: tiếp ... Điều có sự ràng buộc. → Thái độ của người da đỏ và người da trắng đối với thiên

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV: Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2)

HS:

- Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2.

- Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

GV:

- Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).

- Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.

nhiên.

+ Phần 3: phần còn lại
→ Kiến nghị của người da đỏ về việc bảo vệ thiên nhiên.

Chuyển dẫn:

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

Mục tiêu:

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản “Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton”.

- Phân tích được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản “Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton”.

Nội dung:

GV sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kĩ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu về thông tin trong văn bản

HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

Tổ chức thực hiện

Sản phẩm

1. Thông tin chính của văn bản

SỰ KHÁC BIỆT TRONG VĂN HÓA ỨNG

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)

GV đặt câu hỏi:

(?) Qua lời của Xi – át – tôn, sự khác nhau trong cách nhìn nhận đối xử với thiên nhiên giữa người da trắng và người da đỏ được thể hiện ở những điểm cụ thể nào?

HĐ nhóm

- GV chia nhóm lớp
- Yêu cầu mở PHT và hoàn thành PHT

Các tiêu chí để thấy sự khác biệt trong văn hóa ứng xử với thiên nhiên:

- Với Đất
- Cảnh vật
- Không khí
- Muông thú

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)

GV hướng dẫn HS đọc từ “Đối với đồng bào tôi, mỗi tác đất là thiêng liêng” đến “thắm đượm hương thơm của phần thông” và tìm chi tiết.

HS đọc SGK, tìm chi tiết

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HĐ cá nhân:

GV:

- Gọi HS trả lời câu hỏi
- Gọi HS nhận xét câu trả lời của bạn

HS:

- Đại diện trả lời câu hỏi
- HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).

XỬ VỚI THIÊN NHIÊN

	Người da đỏ	Người da trắng
Đất	- Là thiêng liêng, là kí ức, là mẹ và mọi người là thành viên trong gia đình	- Là kẻ thù ... lòng thèm khát ngấu nghiến đất đai và biến nó thành hoang mạc
Cảnh vật	- Ưa thích những âm thanh êm ái của những cơn gió, hương thơm của phần thông	- Ở thành phố chẳng có nơi nào yên tĩnh,...tiếng ồn ào, lảng mạn.
Không khí	- Là quý giá, là của chung của muông thú, cây cối và con người	
Muông thú	- Như anh em...	- Giết để duy trì cuộc sống và để tiêu khiển
Nhận xét	→ Tôn trọng các giá trị tinh thần, yêu quý, bảo vệ thiên nhiên và môi trường.	→ Sống thực dụng, tàn phá và hủy hoại thiên nhiên và môi trường.

HD nhóm**GV:**

- Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm
- Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).

HS:

- Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập
- Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS.
- Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.

2. Cách triển khai thông tin trong văn bản

Sự khác biệt trong văn hóa ứng xử với thiên nhiên giữa 2 cộng đồng người được trình bày một cách hết sức tường minh và có tính thuyết phục cao.

(?) *Thủ lĩnh Xi – át – ton đã dùng hình thức so sánh nào khi nói về thái độ ứng xử với thiên nhiên của người da đỏ?*

(?) *Hình thức so sánh được sử dụng ở đây có ý nghĩa như thế nào?*

(?) *Nguyên nhân chính khiến diễn từ của Xi-át – ton được đánh giá cao và lan truyền rộng rãi?*

(?) *Em nhận ra được điều gì về tư thế, tâm*

a. Vai trò của phép so sánh đối lập

-Làm rõ được các biểu hiện cụ thể của thái độ ứng xử với thiên nhiên của từng bên.

-Khẳng định được giá trị vững bền của lối sống hòa đồng với thiên nhiên mà người da đỏ đang quyết tâm bảo vệ

- Bi kịch về cuộc “thương lượng” đất đai giữa người da trắng và người da đỏ

-Thái độ tự tôn của người da đỏ.

b. Nguyên nhân khiến diễn từ của thủ lĩnh Xi – át – ton được đánh giá cao và lan truyền rộng

vóc văn hóa của cộng đồng người da đỏ được thể hiện qua diễn từ này?

(?)Trong bối cảnh của đời sống hôm nay, diễn từ của thủ lĩnh Xi – át – ton còn nhắc nhở chúng ta điều gì?

rãi

- Thời điểm lịch sử
- Kết tinh được giá trị cao quý của nền văn hóa lâu đời
- Chứa đựng thông điệp -> thức tỉnh nhân loại
- Được những người da trắng văn minh đón nhận và cho phổ biến rộng rãi trên các phương tiện truyền thông.

c. Thông điệp

- Lắng nghe thiên nhiên
- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa
- Thái độ ứng xử với thiên nhiên -> thước đo của VĂN MINH

GV bình giảng:

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

Câu 1: Người viết bức thư là ai?

A. Tổng thống Mỹ Phrenk-klin Pi-ơ-xơ.

- B. Nhà văn H. Ban-dắc.
- C. Thủ lĩnh người da đỏ Xi-át-tô.
- D. Bức thư không đề tên người viết.

Câu 2: Bức thư được gửi tới ai?

- A. Thủ lĩnh người da đỏ Xi-át-tô.
- B. Nhà văn Mark Twain.
- C. Bức thư không đề tên người nhận.
- D. Tổng thống Mỹ Phren-klin Pi-ơ-xơ.

Câu 3: Bức thư ra đời trong hoàn cảnh nào?

- A. Thủ lĩnh người da đỏ Xi-át-tô viết để phúc đáp cho ý định mua lại đất của người da đỏ của tổng thống Mỹ Phren-klin Pi-ơ-xơ.
- B. Thủ lĩnh người da đỏ viết để báo cho cả thế giới biết rằng người da đỏ không có ý định bán lại vùng đất này.
- C. Thủ lĩnh người da đỏ viết để hỏi thăm tình hình sức khỏe của Tổng thống Mỹ Phren-klin Pi-ơ-xơ.
- D. Thủ lĩnh người da đỏ viết để hỏi thăm tình hình người dân da đỏ sống trên các vùng đất thuộc quyền quản lý của Chính phủ Mỹ.

Câu 4: Bức thư của thủ lĩnh da đỏ được xem là gì?

- A. Một trong những văn bản hay nhất về mối quan hệ giữa thiên nhiên, sinh thái và con người.
- B. Một trong những bức thư hay nhất trên thế giới.
- C. Một trong những bức thư hay nhất gửi cho tổng thống Mỹ.
- D. Một trong những bức thư có giá trị biểu cảm cao.

Câu 5: Bức thư đã phê phán những hành động và thái độ gì của người da trắng thời đó?

- A. Xâm lược thuộc địa, các dân tộc khác.
- B. Thờ ơ, tàn nhẫn đối với thiên nhiên và môi trường sống.
- C. Hủy hoại nền văn hóa người da đỏ.
- D. Tàn sát người da đỏ.

Câu 6: Câu nào trong bức thư chứng tỏ tác giả bức thư đề cao vai trò của động vật đối với cuộc sống con người?

- A. Điều gì sẽ xảy đến với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người.
- B. Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú?
- C. Tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng.
- D. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng tro trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

* GV giao nhiệm vụ:

Có nhiều nhân vật trẻ em xuất hiện trong truyện ***Gió lạnh đầu mùa***. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 5- câu) trình bày cảm nhận về một nhân vật mà em thấy thú vị.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

* **Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

* **Kết luận, nhận định:**

BÀI 9: HÒA ĐIỀU VỚI TỰ NHIÊN

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

CÂU PHỦ ĐỊNH VÀ CÂU KHẲNG ĐỊNH

(01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

HS hiểu và phân biệt được các đặc điểm riêng của câu phủ định, câu khẳng định.

2. Về năng lực

* *Năng lực chung*

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt.

* *Năng lực đặc thù*

- HS nhận biết được câu phủ định và câu khẳng định trong các văn bản đọc hiểu.
- HS biết cách dùng câu phủ định, câu khẳng định khi tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất: Biết tự chủ trong sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính
- SGK, SGV

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5')

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung:

GV tổ chức cho học sinh nhận biết dấu hiệu các kiểu câu phân loại theo mục đích nói.

GV kết nối với nội dung của bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV).

- GV chiếu các câu có dấu hiệu nhận biết các kiểu câu phân loại theo mục đích nói.

Cho biết các từ in đậm là dấu hiệu nhận biết của kiểu câu phân loại theo mục đích nói nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, xác định phù hợp.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

HS trình bày kết quả

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- GV nhận xét

- Kết nối vào bài học.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (10')

Hoạt động 1: Nhận biết câu phủ định và câu khẳng định.

a. Mục tiêu: Hiểu được dấu hiệu nhận biết câu phủ định, câu khẳng định.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>NV1:</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục “Nhận biết câu phủ định và câu khẳng định” - <i>Nêu dấu hiệu nhận biết các kiểu câu phủ định.</i> - <i>Nêu dấu hiệu nhận biết câu khẳng định.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm: - Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ định như: Không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có)...Câu phủ định dùng để <ul style="list-style-type: none"> a. Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất quan hệ nào đó (phủ định miêu tả) b. Phản bác một ý kiến, một nhận định (Phủ định bác bỏ) - Câu khẳng định là câu không có phương tiện thể hiện sự phủ định vốn thường được dùng để đánh dấu câu phủ định. Câu khẳng định xác nhận có sự tồn tại của một đối tượng hay của một diễn biến nào đó. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của 	<p>I. Nhận biết câu phủ định và câu khẳng định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ định như: Không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có)...Câu phủ định dùng để <ul style="list-style-type: none"> a. Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất quan hệ nào đó (phủ định miêu tả) b. Phản bác một ý kiến, một nhận định (Phủ định bác bỏ) - Câu khẳng định là câu không có phương tiện thể hiện sự phủ định vốn thường được dùng để đánh dấu câu phủ định. Câu khẳng định xác nhận có sự tồn tại của một đối tượng hay của một diễn biến nào đó.

bạn.	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng	

3. HĐ 3: Luyện tập (25')

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại	Bài tập 1 SGK trang 101 a. Câu khẳng định -> Xác nhận sự thật về lợi ích của hiện tượng ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trong câu không có từ ngữ đặc trưng mang ý nghĩa phủ định. b. Câu phủ định – phủ định bác bỏ -> Câu này thể hiện ý phản bác một nhận thức cho rằng “Cách sống với mùa nước nổi hàng năm” mới hình thành trong thời gian gần đây. Trong câu có từ phủ định “không” (ở cụm từ “điều này không mới”) c. Câu phủ định – phủ định miêu tả -> Xác định không có tình trạng người nói quên đi mảnh đất tươi đẹp của mình. Trong câu có sự xuất hiện của cụm từ mang ý nghĩa phủ định là “chẳng thể”.

<p>kiến thức → Ghi lên bảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS. <p>NV2:</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp bài tập 2 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: Phiếu học tập <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng 	<p>Bài tập 2 SGK trang 101</p> <p>a. Không phải câu phủ định mặc dù xuất hiện từ “không” (không hiểu). Trọng tâm thông báo là “tôi” (thủ lĩnh Xi – át - ton) biết hay không biết về vấn đề chứ không phải là người da trắng hiểu hay không hiểu về cách sống của người da đỏ. Nên khi câu xác định sự “biết” của “tôi” thì câu đó là câu khẳng định.</p> <p>b. Câu phủ định bác bỏ. Vì câu có từ “chẳng” (xuất hiện 02 lần) và nội dung của nó ngầm bác bỏ nhận thức rằng cuộc sống của người da trắng vẫn bình thường trong khi, theo cách nhìn của người da đỏ, đó là cuộc sống không bình thường (mọi âm thanh đáng yêu của sự sống đều được cảm nhận là “ tiếng ồn ào lằng mọ”).</p> <p>c. Câu phủ định miêu tả. Vì câu có từ “không” và xác nhận rằng người dân ở vùng châu thổ sông Cửu Long không có sự lo ngại về lũ lụt.</p>
---	--

4. HD 4: Vận dụng (5')

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5 – 7 câu) viết về vai trò của thiên nhiên, môi trường với cuộc sống của chúng ta có sử dụng câu phủ định, câu khẳng định.



VIẾT

A. VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH GIẢI THÍCH MỘT HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Kiểu bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- HS nắm được cấu trúc của văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.
- Viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên bằng việc huy động hợp lý các trải nghiệm cá nhân và kiến thức thu nhận được qua các bài học trong chương trình, qua những tài liệu tự tìm hiểu và nghiên cứu thêm.

3. Phẩm chất:

- *Chăm chỉ*: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm*: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video
- Tranh ảnh về một số hiện tượng tự nhiên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Gv chuyển giao nhiệm vụ: trò chơi “Nhìn hình đoán hiện tượng”. GV cho một số hình ảnh, video về hiện tượng tự nhiên: nhật thực, nguyệt thực, thủy triều, núi lửa, động đất, băng tan ở các địa cực, ...</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS nhìn hình ảnh và trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thuật lại ngắn gọn</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Trình bày thêm những kiến thức em biết về hiện tượng.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá</p> <p><i>GV dẫn dắt vài bài.</i></p>	Học sinh tham gia trò chơi

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

a. **Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài văn thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động

b. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><i>NV: Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p>	<p>I. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.</p> <p>- Nêu được hiện tượng tự nhiên cần giải thích.</p>

<p>- Gv chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>+ <i>Bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên cần có những yêu cầu nào?</i></p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Hs nhìn SGK trình bày.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày;</p> <p>- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>- Nêu được các biểu hiện cơ bản của hiện tượng tự nhiên cần giải thích.</p> <p>- Trình bày được căn cứ xác đáng để giải thích hiện tượng tự nhiên đã chọn.</p> <p>- Nói rõ ảnh hưởng, tác động của hiện tượng tự nhiên đó đối với cuộc sống con người.</p>
---	---

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Nắm được các đặc điểm của bài văn thuyết minh

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>NV: Hướng dẫn học sinh phân tích mẫu</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV giới thiệu: Bài viết tham khảo giới thiệu về ghềnh Đá Đĩa – một hiện tượng cảnh quan thiên nhiên thành thắng cảnh.</p> <p>Cho HS xem video giới thiệu về ghềnh Đá Đĩa để HS dễ hình dung khi đọc bài tham khảo.</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận theo những câu hỏi sau:</p> <p>+ <i>Người viết giới thiệu hiện tượng tự nhiên ở đoạn nào? Giới thiệu những gì?</i></p> <p>+ <i>Ghềnh Đá Đĩa được miêu tả như thế nào? Khoa học đã giải thích hiện tượng</i></p>	<p>II. Phân tích bài viết tham khảo</p> <p>- Giới thiệu hiện tượng: địa điểm, không gian tọa độ.</p>

<p><i>đó ra sao?</i></p> <p>+ <i>Người viết nêu thái độ, hành động gì của con người trước hiện tượng tự nhiên đó?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Gv quan sát, hỗ trợ <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện nổi bật của hiện tượng: rộng hơn 50m, dài khoảng 200m; hàng chục nghìn cột đá lục giác, vuông, tròn xếp nổi từng lớp; lớp nọ lớp kia tiếp nối vươn mình ra biển. - Giải thích hiện tượng: đá ở đây là loại đá badan hình thành trong quá trình hoạt động của núi lửa ở vùng cao nguyên Vân Hòa cách đây gần 200 triệu năm và cao vị trí ghềnh đá 30km – nêu bằng chứng các ghềnh đá khác ở một số nước. - Thái độ, hành động: khai thác du lịch.
---	--

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu:

- HS viết được bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>NV: Hướng dẫn học sinh Thực hành viết theo các bước</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv chuyển giao nhiệm vụ + GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. + Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài. + GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập 	<p>III. Thực hành viết theo các bước</p> <p>1. Trước khi viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý

sau:

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng.

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em

PHIẾU TÌM Ý

Hiện tượng tự nhiên gì?	
Diễn ra ở đâu? Khi nào? Nó khác gì so với những ghi nhận trước đây?	
Nguyên nhân của hiện tượng đó là gì? Chuyên gia đã giải thích hiện tượng đó ra sao?	
Hiện tượng tự nhiên đó gây ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực như thế nào đến đời sống của con người?	
Con người đã bày tỏ thái độ và thực hiện hành động gì trước hiện tượng đó?	

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi
- Gv quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

<p>NV2: Hướng dẫn học sinh viết bài, sửa bài</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Yêu cầu học sinh viết thành một bài văn hoàn chỉnh (ở nhà hoặc trên lớp)</i> + <i>Hướng dẫn dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết; sau đó dùng bảng kiểm để nhận xét bài của bạn</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Gv quan sát, hỗ trợ <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 	<p>2. Viết bài, chỉnh sửa bài viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào dàn ý viết thành một bài văn hoàn chỉnh - Cần đảm bảo đặc điểm của kiểu bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.
---	--

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được hiện tượng tự nhiên.	Nếu bài viết chưa giới thiệu được đó là hiện tượng gì thì cần bổ sung.
Miêu tả hay thuật lại các biểu hiện điển hình của hiện tượng tự nhiên.	Bổ sung thông tin các biểu hiện của hiện tượng hoặc miêu tả cụ thể, rõ ràng về hiện tượng.
Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng kết hợp trích dẫn ý kiến chuyên gia và cơ sở ở các tài liệu tin cậy.	Nếu chưa nêu được nguyên nhân của hiện tượng hoặc chưa thể hiện ý kiến chuyên gia cần tìm hiểu từ các tài liệu, phim ảnh, mạng xã hội để có những thông tin xác đáng.
Diễn đạt trình bày hình thức văn bản.	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... trong bài viết và chỉnh sửa.

	Ngày soạn:	BÀI 9: HÔM NAY VÀ NGÀY MAI VIẾT VIẾT VĂN BẢN KIẾN NGHỊ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG
	Ngày dạy:	

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Bước đầu biết viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.

- **Năng lực đặc thù:**

- + Nhận dạng được một số văn bản kiến nghị
- + Bước đầu biết viết văn bản kiến nghị
- + Nhận biết hình thức, nội dung của đoạn văn
- + Biết cách phân tích văn bản mẫu
- + Nhận biết được quy trình viết

3. Phẩm chất

Yêu thích và bước đầu có ý thức tìm hiểu văn bản kiến nghị

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:
 - + Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng,...
 - + Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.
 - + Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học viết

2. Học sinh.

Làm phiếu trước giờ

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
<p align="center">HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG</p> <p>1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý, tạo sự kết nối HS với chủ đề bài học.</p> <p>2. Nội dung: Gv trình chiếu 1 số vấn đề gây tranh cãi; hỏi kiến HS</p> <p>3. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS, PHT</p> <p>4. Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>* Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>-GV: <i>Đưa 1 số vấn đề: HS xả rác bữa bãi, nhà vệ sinh bẩn... → ý kiến của em về vấn đề này? Nếu muốn có ý kiến thì chỉ nói 1 mình có được không? → Dẫn dắt</i></p> <p>- HS: trả lời.</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Gv quan sát, hỗ trợ</p> <p>- HS suy nghĩ, trả lời</p> <p>* Báo cáo kết quả:</p> <p>- HS đọc, trình bày câu trả lời</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <p>- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.</p> <p>- GV dẫn dắt giới thiệu vào nội dung bài học.</p>	
<p align="center">HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC</p>	

HOẠT ĐỘNG 2.1: Nội dung văn bản kiến nghị

1. Mục tiêu:

- Nhận dạng được những nội dung cơ bản của văn bản kiến nghị
- Bước đầu biết viết văn bản kiến nghị;

2. **Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh làm bài tập nối

3. **Sản phẩm:** Bài làm của HS

4. Tổ chức thực hiện:

NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu nội dung chính của văn bản kiến nghị

* Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS hoàn thành việc nói thông tin hai cột

* Thực hiện nhiệm vụ:

- HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn
- GV quan sát, nhận xét

* Báo cáo kết quả:

- Gv tổ chức hoạt động
- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

* Đánh giá kết quả:

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

1. Nội dung văn bản kiến nghị

- Thông tin về người viết kiến nghị;
- Khái quát về bối cảnh kiến nghị;
- Trình bày cô đọng về các vấn đề liên quan đến nội dung kiến nghị;
- Bày tỏ mong muốn kiến nghị được xem xét, giải quyết.

NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước trước khi viết

* Chuyển giao nhiệm vụ:

GV chuyển giao nhiệm vụ

- + GV hướng dẫn học sinh xác định các bước trước khi viết
- + Hướng dẫn học sinh tìm ý bằng cách đặt câu hỏi.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

* Thực hiện nhiệm vụ:

2. Thực hành viết theo các bước

a. Trước khi viết

*Lựa chọn vấn đề

Nên chọn vấn đề em am hiểu, gần gũi, có ý nghĩa với em và các bạn.

Ví dụ: vấn đề liên quan đến đời sống học đường (nâng cấp hệ thống thư viện, nâng cấp nhà vệ sinh, phòng y tế...)

*Tìm ý

- HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn
- GV quan sát, gợi mở
- * **Báo cáo kết quả:**
- Gv tổ chức hoạt động
- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
- * **Đánh giá kết quả:**
- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

- Bằng cách đặt câu hỏi:
- Bối cảnh viết kiến nghị?
 - Vấn đề được kiến nghị?
 - Giải pháp giải quyết vấn đề?
- * **Lập dàn ý**
- Ba phần:
- Phần mở đầu
 - Phần nội dung
 - Phần kết thúc

NV3: Hướng dẫn Hs thực hành viết và chỉnh sửa

- * **Chuyển giao nhiệm vụ:**
- Gv chuyển giao nhiệm vụ
- + GV nhấn mạnh HS yêu cầu trước khi viết
- + GV trình chiếu và phát bảng kiểm số 1 cho học sinh
- + Yêu cầu học sinh viết văn bản kiến nghị (PHT số 2)

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Phần mở đầu	Nêu rõ tư cách người kiến nghị (cá nhân hay tập thể)		
	Nêu gốc do kiến nghị		
	Nêu vấn đề kiến nghị		
Phần nội dung	Trình bày các biểu hiện cụ thể của vấn đề kiến nghị		
	Nêu tác động của vấn đề kiến nghị lên đời sống của cá nhân hay tập thể		
	Gợi ý một số giải pháp cụ thể nhằm giải quyết vấn đề		
Phần kết thúc	Triển khai các kiến nghị theo tầng bậc		
	Bày tỏ mong muốn những kiến nghị đã nêu sẽ được thực hiện		

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- * **Thực hiện nhiệm vụ:**
- GV quan sát, hướng dẫn
- HS đọc, quan sát, suy nghĩ
- * **Báo cáo kết quả:**
- HS đọc sản phẩm
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung sản phẩm

b. Thực hành viết

* Yêu cầu trước khi viết

- Nêu thông tin cô đọng, xác thực về người viết văn bản kiến nghị (cá nhân hay tập thể)
- Nêu khái quát về bối cảnh viết kiến nghị (thời điểm viết, nhu cầu viết...)
- Trình bày rõ ràng về vấn đề được kiến nghị (sự việc, hiện tượng cần quan tâm, khắc phục; tác động tiêu cực của sự việc, hiện tượng; ý nghĩa của việc xử lý, giải quyết sự việc, hiện tượng;...)

- Gợi ý, đề xuất các giải pháp cần thực hiện để khắc phục tác động không tích cực của sự việc, hiện tượng

- Bày tỏ mong muốn vấn đề kiến nghị được cấp có thẩm quyền quan tâm, xử lý

* Viết bài

* Chỉnh sửa bài viết

- Bám sát dàn ý khi viết bài
- Sử dụng các số liệu thống kê có tính

của bạn	thuyết phục
* Đánh giá kết quả:	- Bày tỏ rõ mong muốn, đề xuất cụ thể giải pháp của bản thân với những kiến nghị.
GV nhận xét, khích lệ học sinh	

IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC, MỞ RỘNG KIẾN THỨC.

- Hoàn thiện lại bài viết theo bảng kiểm và phiếu chỉnh sửa.
- Lưu trữ lại các phiếu học tập và bảng kiểm theo trật tự vào hồ sơ học tập.

NÓI VÀ NGHE: THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI (TỔ CHỨC HỢP LÍ NỀN NẾP SINH HOẠT CỦA BẢN THÂN)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Đặc điểm kiểu bài thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (tổ chức hợp lí nề nếp sinh hoạt của bản thân).

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- HS chọn được vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (tổ chức hợp lí nề nếp sinh hoạt của bản thân).
- HS trình bày được quan điểm, ý kiến các nhân về vấn đề được nêu ra trong văn bản, biết liên hệ với cuộc sống thực tiễn.
- Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS.

1. Giáo viên

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0
- Tạo trang padlet

2. HS

- Chuẩn bị dàn ý bài nói
- Quay video tập nói ở nhà, up lên padlet

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để liên hệ với vấn đề trong tác phẩm

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS xem video “Tập thể dục buổi sáng” và cho biết: video sau gợi cho em thói quen sinh hoạt nào? Em có nhận xét gì về thói quen sinh hoạt đó. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ, trả lời - GV quan sát, lắng nghe <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày trải nghiệm cá nhân - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài: 	

→ **Giáo viên vào bài:** Qua video vừa được xem và nghe, các em có thể thấy bài hát trong treo, có ca từ đơn giản nhưng lại nói lên một nề nếp sinh hoạt tích cực có ý nghĩa đó chính là việc tập thể dục vào buổi sáng. Tùy vào lịch sinh hoạt cá nhân có thể sắp xếp thời gian luyện tập vào các buổi sao cho phù hợp nhất trong ngày. Việc tập thể dục đúng và đủ mỗi ngày làm tăng nhịp tim, nhịp hô hấp và giúp các cơ quan nội tạng hoạt động tốt. Trong bài học ngày hôm nay cô sẽ giúp các em rèn kỹ năng thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi đó chính là tổ chức hợp lý nề nếp sinh hoạt của bản thân.

B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hđ 1: Chuẩn bị bài nói

a. **Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>NV: Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài thảo luận</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định các bước chuẩn bị trước khi nói.</i> + GV hướng dẫn HS xác định vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (tổ chức hợp lí nề nếp sinh hoạt của bản thân). <p>Nề nếp sinh hoạt của bản thân là nét ổn định trong cách một cá nhân thực hiện những hoạt động mang tính cá nhân hàng ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nét ổn định này được tạo nên qua một quá trình, mà ở đó có sự tổng hoà giữa điều kiện, thói quen và quan niệm của mỗi người về “vùng trời riêng” do chính họ làm chủ. + Trong nề nếp sinh hoạt của bản thân có thể có yếu tố tích cực, có thể có yếu tố tiêu cực. Do nó có mối liên hệ mật thiết với hiệu suất công việc mà mỗi cá nhân phải đảm nhiệm, nề nếp sinh hoạt cá nhân cũng cần được điều chỉnh hay cấu trúc lại, mà ở đó, yếu tố tiêu cực cần được sửa chữa, khắc phục còn yếu tố tích cực cần được phát huy, được thực hiện một cách đầy ý thức. + Ví dụ: Một số biểu hiện của việc sinh hoạt nề nếp là thực dậy đúng giờ, rèn luyện thân thể hàng ngày, sắp xếp đồ dùng gọn gàng ngăn nắp... + <i>GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách thảo luận.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm thảo luận <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 	<p>1. Trước khi nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Chuẩn bị nội dung nói b. Tập luyện

Hđ 2: Trình bày bài nói

- a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài thảo luận.
- b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>NV: Hướng dẫn Hs trình bày bài thảo luận</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>Nhắc học sinh một số lưu ý</i> + <i>Gv gọi một số học sinh trình bày trước lớp</i> + <i>Phát phiếu đánh giá theo tiêu chí để học sinh đánh giá bài của bạn (có thể dùng nhiều màu mực khác nhau để đánh giá được nhiều bạn)</i> - HS thực hiện nhiệm vụ <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm thảo luận <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 	<p>2. Trình bày bài thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự tin, thoải mái thể hiện được sự hưởng ứng tích cực đối với cuộc thảo luận. -Triển khai được ý kiến mới, không nói lại những nội dung đã được phát biểu trước đó. - Xác định rõ nội dung then chốt của ý kiến trình bày, kết nối được mạch thảo luận chung. - Đưa ra những lí lẽ và bằng chứng xác đáng, phù hợp. - Chọn cách diễn đạt sáng tạo, sinh động, tự nhiên; chú ý sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ khi nói (nét mặt, cử chỉ, điệu bộ..) - Thể hiện thái độ tôn trọng đối với tất cả những người tham gia thảo luận. - Làm chủ được thời gian (không vượt quá quy định dành cho một lượt ý kiến). - Có thể sử dụng các ghi chép nhanh. - Khuyến khích sử dụng các phương tiện sẵn có (tranh ảnh, video...) về các nề nếp sinh hoạt cá nhân liên quan đến bài thảo luận.

Hđ 3: Trao đổi về bài thảo luận

- a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài thảo luận
- b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>NV: Hướng dẫn HS trao đổi về bài thảo luận</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>Người nghe: có nhiệm vụ hoàn thiện phiếu đánh giá theo bảng kiểm và nhận xét bài thảo luận của bạn</i> + <i>Người nói: phản hồi các ý kiến nhận xét, cảm ơn và tiếp thu những nhận xét</i> - HS thực hiện nhiệm vụ <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Gv quan sát <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi - Gv tổ chức hoạt động <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 	<p>3. Trao đổi về bài thảo luận</p>

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học tương tự lập đề cương cho bài thảo luận

b) **Nội dung:** Áp dụng phương pháp học tập trong nội dung cụ thể

c) **Sản phẩm:** Đề cương bài thảo luận

d) **Tổ chức hoạt động:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Tìm và xác định **thêm** các vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi

- Lựa chọn một vấn đề, xây dựng nội dung và đề cương bài thảo luận

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thực hành dựa trên những góp ý và đánh giá của GV và các bạn trong lớp

- GV hỗ trợ (nếu cần)

B3: Báo cáo thảo luận:

- HS trình bày cá nhân.

B4: Đánh giá kết quả:

- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên nhận xét đánh giá.

*** GV hướng dẫn học bài ở nhà:**

1. Ôn lại kiến thức đã học

2. Chuẩn bị **bài 10 Sách người bạn đồng hành: Soạn văn bản** : “

Thách thức đầu tiên: đọc như một hành trình”